TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-12-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Xuân Lộc.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Phương.
Ông Nguyễn Đức Kha.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà*:* Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2022/QĐ-ST ngày 04/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 131/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/11/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chu Thị Ngọc C, sinh ngày 30/3/1988 (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: xóm X, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn D, sinh ngày 15/6/1986 (vắng mặt)
Hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
Hiện lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.
Địa chỉ cuối cùng của anh D tại Việt Nam: thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Chu Thị Ngọc C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 16/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã L,

huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh D làm dâu, vợ chồng chung sống hòa thuận. Khoảng đầu tháng 10/2014 anh D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, sau khi anh D đi chị xin phép về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Sau khi anh D sang Đài Loan vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng sau khi chị sinh con được khoảng 05 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 01 năm 2016 đến nay chị và anh D không còn gọi điện hỏi thăm sức khỏe của nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Anh D cũng không gọi điện hỏi thăm con hay gửi tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn D.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Hoàng Phương A, sinh ngày 09/5/2015. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị. Chị đề nghị Tòa giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Hoàng Văn D là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 21/10/2022 và 01/11/2022, bà Nguyễn Thị X là mẹ đẻ anh Hoàng Văn D cung cấp anh D hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Về hôn nhân của anh D, chị C bà cho biết: Anh, chị được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị C về nhà bà làm dâu và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Năm 2014 anh D đi lao động tại Đài Loan, sau khi anh D đi lao động, chị C xin phép về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Về Nghệ An sinh sống một thời gian thì anh D, chị C có mâu thuẫn. Bà có khuyên bảo anh, chị nhưng không được. Anh, chị có 01 con chung là cháu Hoàng Phương Anh, sinh ngày 09/5/2015. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị C tại Nghệ An. Về tài sản chung, công nợ của anh D, chị C bà không biết. Anh D vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh D không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh D tại Đài Loan.

Tại phiên tòa, Chị Chu Thị Ngọc C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Hoàng Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Chu Thị Ngọc C; Biên bản làm việc với mẹ đẻ của anh Hoàng Văn D và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị Ngọc C.

Xử cho chị Chu Thị Ngọc C được ly hôn anh Hoàng Văn D.

Về con chung: Do anh D hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Hoàng Phương A, sinh ngày 09/5/2015 cho chị Chu Thị Ngọc C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Chu Thị Ngọc C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị C khởi kiện xin ly hôn anh D và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Công văn trả lời số 21519/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 17/10/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh D xuất cảnh gần đây nhất là ngày 13/10/2014, hiện chưa có thông tin nhập. Do đó, anh D được xác định là đang ở nước ngoài. Anh D là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh

Bắc Giang. Do đó, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt đương sự: Chị Chu Thị Ngọc C là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Chu Thị Ngọc C.

Đối với bị đơn anh Hoàng Văn D vắng mặt tại phiên tòa: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và bà Nguyễn Thị X (mẹ đẻ anh D) xác định được nơi cư trú cuối cùng của anh D ở Việt Nam trước khi xuất cảnh lần gần nhất là: thôn Đ, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh D là bà Nguyễn Thị X để giao thông báo thụ lý vụ án và đề nghị bà X thông báo cho anh D biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa chị Chu Thị Ngọc C và anh Hoàng Văn D. Bà X cho biết anh D vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh D không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh D tại Đài Loan. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tống đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Ngọc C và anh Hoàng Văn D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 16/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn D.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Chu Thị Ngọc C với anh Hoàng Văn D. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị C và anh D chung sống hòa thuận. Tuy nhiên, sau khi sinh con một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Kể từ tháng 01/2016 đến nay anh D, chị C không còn liên lạc hỏi thăm nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Do đó, cần xác định vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C và xử cho chị C và anh D được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về nuôi con chung: Chị C và anh D có 01 con chung là cháu Hoàng Phương A, sinh ngày 09/5/2015. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị C và do chị C chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn chị C có nguyện vọng nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị C: Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh D đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Từ khi anh D đi lao động nước ngoài, chị C chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống thì cháu Hoàng Phương A vẫn do chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ. Ngoài ra cháu Phương A trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị C đối với yêu cầu giao con cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn anh Hoàng Văn D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này.

Trường hợp anh Hoàng Văn D về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản, công nợ: Chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Chu Thị Ngọc C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

[8.1] Chị Chu Thị Ngọc C vắng mặt tại phiên tòa nhưng hiện đang ở trong nước nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8.2] Anh Hoàng Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng hiện đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Ngọc C được ly hôn anh Hoàng Văn D.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Phương A, sinh ngày 09/5/2015 cho chị Chu Thị Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Hoàng Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Hoàng Văn D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Chu Thị Ngọc C phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000618 ngày 04/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Chu Thị Ngọc C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Chu Thị Ngọc C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Hoàng Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang;
-Cổng thông tin điện tử;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Xuân Lộc